

Số: /2024/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;
Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 18/TTr-SNN ngày 30 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có đê; Thủ trưởng các sở, ban,

ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, VP3,4, TTTH.
Bh_VP3_QĐ10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Song Tùng

QUY ĐỊNH
Tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí, chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân và các nội dung khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ ĐÊ NHÂN DÂN

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của lực lượng quản lý đê nhân dân

Cơ cấu tổ chức của lực lượng quản lý đê nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân.

Điều 4. Tuyển chọn và phê duyệt danh sách lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Người được tuyển chọn làm nhân viên quản lý đê nhân dân phải đáp ứng các điều kiện sau: Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, trong độ tuổi lao động, lần đầu tham gia lực lượng quản lý đê nhân dân không quá 55 tuổi, đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa phương, có kinh nghiệm sông nước, có tinh thần trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đề tuyển chọn và lập danh sách lực lượng quản lý đề nhân dân trên địa bàn quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt. Danh sách lực lượng quản lý đề nhân dân được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt không được vượt quá số lượng nhân viên quản lý đề nhân dân do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đề trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định thay thế người có tên trong danh sách lực lượng quản lý đề nhân dân đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 5. Nhiệm vụ của nhân viên quản lý đề nhân dân

Nhân viên quản lý đề nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 26/2009/TT-BNN.

Điều 6. Chế độ, nội dung báo cáo và trách nhiệm trong công tác báo cáo

1. Chế độ và nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 26/2009/TT-BNN.

2. Nhân viên quản lý đề nhân dân chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật về việc phát hiện, báo cáo không kịp thời, không chính xác các vụ việc vi phạm, các diễn biến hư hỏng của công trình đề điều và các công trình khác có liên quan đến an toàn của công trình đề điều.

Điều 7. Chế độ chính sách đối với nhân viên quản lý đề nhân dân

1. Mức thù lao của nhân viên quản lý đề nhân dân là 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Nhân viên quản lý đề nhân dân được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đề điều và hộ đề; được trang bị bảo hộ lao động để thực hiện nhiệm vụ và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành trong trường hợp bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Thù lao của lực lượng quản lý đề nhân dân do ngân sách tỉnh đảm bảo. Kinh phí duy trì hoạt động khác của lực lượng quản lý đề nhân dân theo quy định được lấy từ Quỹ Phòng, chống thiên tai.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đề

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đề

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 26/2009/TT-BNN;

b) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này;

c) Lập dự toán thù lao của lực lượng quản lý đê nhân dân trong dự toán ngân sách hàng năm của huyện, gửi Sở Tài chính tổng hợp theo quy định;

d) Cấp kinh phí và các chế độ khác theo quy định cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê để chi trả cho hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân từ nguồn Quỹ phòng chống thiên tai được phân bổ hàng năm và nguồn kinh phí địa phương theo dự toán được phê duyệt;

đ) Hằng năm, báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động, số kinh phí đã chi trả của lực lượng quản lý đê nhân dân về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 26/2009/TT-BNN;

b) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này;

c) Tổng hợp dự toán kinh phí duy trì hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân (ngoài thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai.

d) Tổng hợp báo cáo của nhân viên quản lý đê nhân dân và báo cáo cơ quan chuyên môn cấp huyện và Hạt quản lý đê hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đê điều mỗi tháng một lần.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai, phổ biến, hướng dẫn và đôn đốc kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Chỉ đạo các đơn vị chức năng của sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân. Chỉ đạo Hạt quản lý đê phối hợp với lực lượng quản lý đê nhân dân trong việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều.

3. Theo dõi, tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân và đề xuất của các địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách hàng năm cho các huyện, thành phố để chi trả thù lao của lực lượng quản lý đê nhân dân theo quy định./.